

Số: 173/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 461/2025/TLST-HNGĐ ngày 22/12/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn L**, sinh ngày 03/04/1985; số CCCD: 040085004646 do Cục C về TTXH cấp ngày 20/3/2025; địa chỉ: Xã B, huyện Q, tỉnh Nghệ An (nay là xã Q, tỉnh Nghệ An).

- Bị đơn: Bà **Mai Lệ H**, sinh ngày 23/4/1987; CCCD số 048187004136 do Cục C về TTXH cấp ngày 11/11/2021; địa chỉ: Tổ D, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường S, thành phố Đà Nẵng). Hiện đang tạm giam tại Đội 15 phân trại K2 trại giam B.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10/3/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Văn L và bà Mai Lệ H, *(Giấy chứng nhận kết hôn số 234 do UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là phường S, thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 09/11/2010 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật).*

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn L và bà Mai Lệ H thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông L và bà H về việc nuôi con chung như sau: Giao con chung Lê Duy H1, sinh ngày 21/4/2014 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà H xác định không có.

3. Án phí HNGĐ-ST: 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* ông Lê Văn L và bà Mai Lệ H mỗi người chịu 75.000 đồng nhưng ông L tự nguyện chịu 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007482 ngày 22/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông L được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- VKSND Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- UBND phường Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Đông Thanh

